

Số: 121/2024/QĐST-HNGĐ

Cầu Ngang, ngày 16 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 314/2024/TLST/HNGĐ, ngày 21 tháng 6 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Anh Thạch P, sinh năm 1989;
Địa chỉ: Ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Chị Thạch Thị P1, sinh năm 1989;
Địa chỉ: Ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Thạch P và chị Thạch Thị P1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Thạch P và chị Thạch Thị P1 tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau.

- Về nuôi con tên: Thạch Thị Ti N, sinh ngày 02/4/2018 chị P1 đang nuôi dưỡng. Anh P và chị P1 thoả thuận quyền nuôi con như sau:

Chị Thạch Thị P1 được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Thạch Thị Ti N, sinh ngày 02/4/2018 sau khi ly hôn.

Anh Thạch P có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở

người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân gia đình nhưng anh P và chị P1 không khởi kiện, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Tòa án đã giải thích Điều 59 của Luật hôn nhân gia đình nhưng anh P và chị P1 không khởi kiện, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Tại phiên hòa giải anh P và Chị P1 không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Anh Thạch P thuộc diện người dân tộc thiểu số sống ở ấp có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí và được Thẩm phán chấp nhận. Căn cứ vào điểm đ khoản 01 Điều 12, Điều 14, 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh Thạch P được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí.

Chị Thạch Thị P1 tự nguyện nộp 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Viện kiểm sát huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hiệp Hoà,
- huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Thị Tranh